

Số: 115/2024/QĐST-HNGĐ

C, ngày 03 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 162/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

+ Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 17/3/1992; Địa chỉ: A C, tổ F, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

+ Ông Hà Văn P, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ B, P, S, TP H, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà Văn P và bà Nguyễn Thị Thu T kết hôn với nhau vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận C, TP Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 85/2017 ngày 21/6/2017), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng ông, bà về chung sống tại địa chỉ: số A đường C, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Quá trình chung sống đến đầu năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân dẫn đến vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, vợ chồng cũng như hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không hòa hợp được. Từ tháng đầu năm 2024 cho đến nay vợ chồng sống ly thân với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Hiện nay về mặt tình cảm ông P, bà T không còn thương yêu nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể hàn gắn để sống chung nên ông P, bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn. Quá trình thụ lý giải quyết Tòa án đã

hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng ông P, bà T vẫn tiếp tục yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy ông Hà Văn P và bà Nguyễn Thị Thu T đã thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về các vấn đề khác. Do đó, cần áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về quan hệ con chung: Ông P, bà T thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung tên: Hà Kỳ A, sinh ngày 26/12/2017 và Hà My A1, sinh ngày 01/7/2021. Ly hôn ông P, bà T thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi, ông P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2 triệu đồng/01 con chung (02 con chung mỗi tháng cấp dưỡng 4 triệu), cấp dưỡng từ tháng 6/2024 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng.

Xét thấy ông P, bà T đã tự thỏa thuận với nhau về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, cấp dưỡng nuôi con chung phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó công nhận thỏa thuận nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của ông bà.

[3] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Ông P, bà T xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà Văn P và bà Nguyễn Thị Thu T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của ông Hà Văn P và bà Nguyễn Thị Thu T về việc nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn như sau:

+ Giao 02 con chung tên Hà Kỳ A, sinh ngày 26/12/2017 và Hà My A1, sinh ngày 01/7/2021 cho bà Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

+ Ông Hà Văn P cấp dưỡng nuôi con chung Hà Kỳ A và Hà My A1 mỗi tháng 2 triệu đồng/01 con chung (02 con chung mỗi tháng cấp dưỡng 4 triệu), cấp dưỡng từ tháng 6/2024 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của

con chung đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Thu T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Hà Văn P không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thỏa thuận nêu trên thì hàng tháng ông P còn phải chịu tiền lãi suất theo mức lãi suất chậm trả quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Hà Văn P và bà Nguyễn Thị Thu T thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông Hà Văn P và bà Nguyễn Thị Thu T tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông P, bà T đã nộp là theo biên lai thu số 0001561 ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Như vậy ông P, bà T đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND quận Cẩm Lệ;
 - Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
 - UBND phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ
- GCNKK số 85/2017 ngày 21/6/2017;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phan Văn Cường